TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LANG CHÁNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST Ngày 03 tháng 8 năm 2023 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nhất

2. Ông Lê Hồng Thức

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhản - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị D, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Đặng Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số X, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 07/3/2023, được bổ sung trong bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lò Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương; đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 16/9/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường xuyên say rượu, chửi bới, đánh đập vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình nội ngoại khuyên bảo, hòa giải nhưng tình cảm không hàn gắn được, đến năm 2022 vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy chị và anh C không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn C.

Về con: Chị và anh Lê Văn C có 02 con chung là các cháu Lê Văn T, sinh ngày 20/10/2014 và Lê Văn Q, sinh ngày 17/02/2017. Chị đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh C, giao cháu Q cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Lò Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên hòa giải và triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng anh C đều vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, không có lý do.

Toà án đã tiến hành xác minh tại thôn C, xã G, huyện L về một số nội dung có liên quan trong vụ án, kết quả xác minh:

Về địa chỉ cư trú và sự có mặt, vắng mặt tại nơi cư trú của bị đơn: Đại diện thôn cho biết, anh Lê Văn C đăng ký thường trú tại thôn C, xã G, huyện L và đang sinh sống tại địa chỉ trên. Anh C là lao động tự do, do đặc thù công việc sáng đi, tối về nên không thường xuyên có mặt ở nhà trong giờ hành chính.

Về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp: Giữa chị D và anh C thường xuyên cãi vã, chửi bới, đánh đập nhau, nhưng thôn không biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2022, chị D chủ động về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, kể từ đó chị D và anh C ly thân.

Về điều kiện nuôi con: Chị D và anh C có 02 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của các cháu thôn không biết rõ. Kể từ khi chị D và anh C ly thân đến nay, các cháu ở cùng anh C, các cháu được chăm sóc tốt, vẫn khoẻ mạnh và được học hành đầy đủ. Gia đình chị D, anh C thuộc diện khó khăn về kinh tế, cả chị D và anh C chưa có việc làm và thu nhập ổn định, nhưng chị D và anh C đều là người chấp hành tốt quy định của pháp luật, nội quy, quy ước của địa phương và đều quan tâm chăm lo cho các con, thôn nhận thấy điều kiện nuôi con của chị D và anh C là ngang nhau, nên giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cũng phù hợp.

Tại phiên toà, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm

tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*; nơi cư trú của bị đơn tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn là anh Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Lò Thị D và Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 16/9/2014 do UBND xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị D và anh Lê Văn C là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, chị D đều có nguyện vọng được ly hôn anh C.

Xét mâu thuẫn vợ chồng, thấy: Căn cứ lời trình bày của chị D phù hợp với kết quả xác minh tại thôn C, xã G, huyện L thì giữa chị D và anh C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C không tu trí làm ăn, thường xuyên rượu chè, chửi bới, đánh đập vợ con. Gia đình hai bên đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả; chị D và anh C đã có thời gian ly thân nhưng mâu thuẫn không được giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh C, anh C không đến Tòa án tham gia hòa giải, giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh C không còn, hôn nhân đã lầm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị D, quyết định cho chị D được ly hôn anh C.

[5] Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Lò Thị D và bản sao Giấy khai sinh của cháu T, cháu Q, đủ cơ sở xác định: Các cháu Lê Văn T, sinh ngày 20/10/2014 và Lê Văn Q, sinh ngày 17/02/2017 là con chung của chị D và anh C.

Xét đề nghị về việc giao nuôi con của chị D, thấy: Chị D đề nghị giao cháu T cho anh C, giao cháu Q cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đề nghị của chị D là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để xem xét. Xét về điều kiện nuôi con của chị D, anh C thấy: Căn cứ lời trình bày của chị D phù hợp với kết quả xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng thì chị D và anh C đều là công dân tốt, đều quan tâm, yêu thương và chăm sóc các con, các cháu cũng yêu thương bố mẹ; chị D và anh C có điều kiện nuôi con ngang nhau, nhưng cả chị D và anh C đều thuộc diện có điều kiện kinh tế khó khăn, nếu giao cho một người

trực tiếp nuôi cả hai cháu sẽ gặp khó khăn trong cuộc sống. Do đó nên giao cho chị D và anh C mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một cháu là phù hợp. Hiện nay cháu Lê Văn T đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng được ở với anh C. Như vậy, để cháu T, cháu Q có điều kiện phát triển một cách tốt nhất về mọi mặt nên giao cháu Lê Văn T cho anh C, giao cháu Lê Văn Q cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh C mỗi người trực tiếp nuôi một cháu, hiện nay chị D và anh C chưa có việc làm và thu nhập ổn định, cả chị D và anh C đều thuộc diện có khó khăn về kinh tế, nên chấp nhận đề nghị của chị D, chị D và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D và anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản: Chị Lò Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nhưng chị D là người dân tộc thiểu số (Dân tộc Thái), sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí, Tòa án đã quyết định miễn nộp tiền tạm ứng án phí cho chị D, nay xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho chị D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị D được ly hôn anh Lê Văn C.

Về con: Giao cháu Lê Văn Q, sinh ngày 17/02/2017 cho chị D; giao cháu Lê Văn T, sinh ngày 20/10/2014 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; chị D và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị D, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho chị Lò Thị D.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Lò Thị D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; vắng mặt bị đơn Lê Văn C. Chị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Người BVQVLIHP của nguyên đơn;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV và THAHS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Viết Tám